| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 483/2023/HCPT
Ngày 29 tháng 6 năm 2023

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Phạm Việt Hà.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 231/2023/TLPT-HC ngày 10 tháng 3 năm 2023, về: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất". Do có kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 85/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải P. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6936/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn 5, xã Tân D, huyện Thủy N, thành phố Hải P; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Trần Đại P và ông Trần Văn H1 - Luật sư Công ty Luật TNHH Khang Thái, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Thủy N, thành phố Hải P; địa chỉ trụ sở: Số 5 Đà N, Núi Đ, Thủy N, Hải P; Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn V, chức vụ: Phó Chủ tịch(Văn bản ủy quyền số 8615/QĐ-UBND ngày 08-11-2021); vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Bùi Trung M, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thủy N; vắng mặt; Ông Trần Anh T, chức vụ: Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai - chi nhánh huyện Thủy N; vắng mặt; Ông Nguyễn Văn H2, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thủy N; có mặt; Ông Đào Văn T1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Dương Q, huyện Thủy N; vắng mặt; Ông Nguyễn Trọng T2 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Thủy N; có mặt; Bà Vũ

Thị V - Nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thủy N; đều vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Xuân T4 và chị Đặng Ngọc Hồng C; địa chỉ: Thôn 5, xã Tân D, huyện Thủy N, thành phố Hải P; vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Công D và chị Nguyễn Thị D1; địa chỉ: Tổ 45 A cụm 8, phường Đông K, quận Ngô Q, thành phố Hải P; chị Dung có mặt, anh Dần vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*1. Người khởi kiện trình bày và yêu cầu:* Gia đình ông Nguyễn Xuân H đang sử dụng thửa đất số 501 và 502, tờ bản đồ số 02, xã Tân D, tổng diện tích 354,2m$^2$; có nguồn gốc là đất của bà nội là cụ Nguyễn Thị C sử dụng làm nhà ở. Đến năm 1987, vợ chồng ông H về ở với cụ C và năm 1988 được cụ cho toàn bộ diện tích đất trên. Năm 2009, UBND xã Tân D lấy 55m$^2$ (mượn) đất của gia đình ông để làm đường liên thôn nhưng không đền bù. Diện tích đất còn lại, vợ chồng ông H sử dụng và sau này nhượng lại cho vợ chồng con gái Nguyễn Thị D1 100m$^2$, tặng cho vợ chồng con trai Nguyễn Xuân T4 100m$^2$. Thực hiện Dự án đầu tư Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật KĐT mới Bắc Sông Cấm (sau đây gọi tắt là Dự án Bắc Sông Cấm), ngày 15-9-2020 UBND huyện Thủy N ban hành Quyết định số 6504/QĐ-UBND thu hồi đất của gia đình ông H và Quyết định số 6508/QĐ-UBND, kèm theo Phương án bồi thường số 02/PA-TCT; Quyết định phê duyệt phương án bổ sung 9324/QĐ-UBND ngày 22/12/2020, kèm theo phương án số 01/PA-TCT. Theo đó, gia đình ông H bị thu hồi 176,5m$^2$ đất, gồm 97,3m$^2$ đủ điều kiện bồi thường về đất và 79,2m$^2$ đất HLGT, nhưng gia đình ông H không đồng ý vì các lý do: Thứ nhất, UBND huyện Thủy N không công khai bản đồ quy hoạch và không tổ chức cắm mốc Dự án, nên không thể xác định được diện tích đất của gia đình ông H có nằm trong chỉ giới thu hồi đất để thực hiện Dự án Bắc Sông Cấm hay không. Thứ hai, UBND huyện Thủy N xác định 79,2m$^2$ đất hành lang giao thông (HLGT) không được bồi thường về đất nhưng không đưa ra các văn bản tài liệu chứng minh cho việc đã cắm mốc HLGT đường 359B từ thời điểm nào, phạm vi hành lang đến đâu. Thứ ba, giá bồi thường về đất 8.000.000 đồng/m$^2$ là quá thấp so với giá đất giao dịch trên thị trường hoặc giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại các khu vực có điều kiện kinh tế xã hội và hạ tầng không tốt như nhà ông H cũng từ 40.000.000đ đến 60.000.000đ/m$^2$. Thứ tư, UBND huyện Thủy N tiến hành kiểm đếm về diện tích đất, tài sản trên đất dẫn đến việc áp giá bồi thường không đúng quy định của pháp luật. Thứ năm, UBND huyện Thủy N ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường nhưng không đưa ra các thông tin về đất tái định cư; không giao đất tái định cư cho hộ gia đình con gái ông H (anh Dần- chị Dung) là người có nhà ở trên đất bị thu hồi là trái pháp luật. Từ các lý do trên, người khởi kiện đề nghị Tòa án: Tuyên hủy Quyết định thu hồi đất số 6504/QĐ-UBND và Quyết định số 6508/QĐ-UBND (kèm theo phương án bồi thường số 02/PA-TCT) ngày

15/9/2020; Quyết định số 9324/QĐ-UBND (kèm theo phương án bồi thường bổ sung số 01/PA-TCT) ngày 22/12/2020 của UBND huyện Thủy N. Buộc UBND huyện Thủy N áp dụng giá đất bồi thường về đất theo bảng giá đất quy định tại Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hải P; công khai bản đồ qui hoạch 1/500 của dự án và xác định lại mốc giới HLGT đường 359 theo đúng qui định của pháp luật.

*2. Quan điểm của Đại diện UBND huyện huyện Thủy N trình bày:* Thửa đất số 489+501+502, tờ bản đồ số 2, xã Tân D, diện tích 176,5m$^2$ (theo Mảnh trích đo địa chính) do ông Nguyễn Xuân H đứng tên sử dụng từ năm 1987 nhưng không có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Trong đó có 79,2m$^2$ đất HLGT tỉnh lộ 359B và 97,3m$^2$ đất đủ điều kiện công nhận là đất ở (vị trí đất cách tim đường là 18,5m). Nguồn gốc đất do bà C - bà nội của ông H cho vợ chồng ông H sử dụng từ năm 1987 (sau khi Nghị định số 203-NĐ/HĐBT ngày 21-12-1982 của Hội đồng Bộ trưởng). Thực hiện Dự án đầu tư Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật KĐT mới Bắc Sông Cấm, ngày 15/9/2020 UBND huyện Thủy N đã ban hành các quyết định và thông báo thu hồi diện tích đất tại 03 thửa số 489+501+502 để giải phóng mặt bằng. Gia đình ông H được nhận bồi thường về đất là 630.400.000 đồng, bồi thường về cây cối hoa màu là 1.666.000 đồng, bồi thường về vật kiến trúc là 324.985.828 đồng. Đơn giá đất áp dụng theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND thành phố Hải P; đối vị trí 1 tỉnh lộ 359 là 8.000.000 đồng/m$^2$. Như vậy giá đất như trên không thay đổi so với giá đất được phê duyệt tại Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND thành phố Hải P. Do gia đình ông H không chấp hành bàn giao đất đã bị thu hồi nên ngày 06/8/2021 Chủ tịch UBND huyện Thủy N đã ban hành Quyết định số 5350/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất, sau đó gia đình ông H đã tự nguyện bàn giao tài sản, giải phóng mặt bằng. Đối với việc giao đất tái định thì căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 79 và Điều 86 Luật Đất đai; khoản và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ; vợ chồng ông H được giao 01 lô đất tái định cư (hộ chính), vợ chồng con trai Nguyễn Xuân T4 được giao 01 lô đất tái định cư (hộ phụ), vợ chồng con gái Nguyễn Thị D1 có 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 24m$^2$ xây trên đất đứng tên ông H, nhưng không trực tiếp ăn ở trên đất nên không được xét giao đất tái định cư. Như vậy, UBND huyện Thủy N đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục khi thu hồi đất, theo quy định tại khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 79 và Điều 86 Luật Đất đai năm 2013. Quyền lợi của gia đình người khởi kiện đã được bảo đảm, nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu của người khởi kiện.

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* các con của người khởi kiện có ý kiến thống nhất với ý kiến của người khởi kiện; đề nghị được nhận bồi thường về đất và toàn bộ tài sản trên đất, được giao thêm đất tái định cư cho vợ chồng chị Dung.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 85/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải P, đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30;

Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; các Điều 66, 69, 71, 75, 82, 83, 85 và 86 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H, về việc: Tuyên hủy Quyết định thu hồi đất số 6504/QĐ-UBND và Quyết định số 6508/QĐ-UBND (kèm theo phương án bồi thường số 02/PA-TCT) ngày 15/9/2020; Quyết định số 9324/QĐ-UBND (kèm theo phương án bồi thường số 01/PA-TCT) ngày 22/12/2020 của UBND huyện Thủy N; Buộc UBND huyện Thủy N áp dụng giá đất mới để bồi thường về đất theo bảng giá đất qui định tại Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hải P; công khai bản đồ qui hoạch 1/500 của dự án và xác định lại mốc giới HLGT đường 359 theo đúng qui định của pháp luật. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2022 ông Nguyễn Xuân H kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, hoặc sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Người khởi kiện ông Nguyễn Xuân H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định hành chính và bồi thường cho ông H theo pháp luật.

Luật sư bảo vệ cho ông H đề nghị: Tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ hồ sơ địa chính có liên quan; nếu không tạm dừng thì đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định hành chính của UBND huyện Thủy N, giải quyết đúng pháp luật để bảo vệ quyền lợi của ông H.

Đại diện của Người bị kiện vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị D1 đề nghị giải quyết đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; tại phiên tòa một số đương sự xin xử vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 85/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải P.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện và một số đương sự có đơn đề nghị, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 255 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt theo quy định; Kháng cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đối với yêu cầu tạm dừng phiên tòa của Luật sư để thu thập thêm chứng cứ, yêu cầu này không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2]. Ngày 14/9/2021, ông Nguyễn Xuân H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 6504/QĐ-UBND và Quyết định số 6508/QĐ-UBND (kèm theo phương án bồi thường số 02/PA-TCT) ngày 15/9/2020; Quyết định số 9324/QĐ-UBND (kèm theo phương án bồi thường bổ sung số 01/PA-TCT) ngày 22/12/2020 của UBND huyện Thủy N. Buộc UBND huyện Thủy N áp dụng giá đất bồi thường về đất theo bảng giá đất quy định tại Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hải P; công khai bản đồ qui hoạch 1/500 của dự án và xác định lại mốc giới HLGT đường 359 theo đúng qui định của pháp luật. Đây là các quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền theo quy định khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính thụ lý, giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính hợp pháp của các quyết định:

[3.1]. Theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai, UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân; việc UBND huyện Thủy N tiến hành các thủ tục ban hành Thông báo thu hồi đất, kiểm kê tài sản, thực hiện lấy ý kiến và niêm yết công khai tại địa phương, ban hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đều đúng trình tự, thủ tục khi thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 79 và Điều 86 Luật Đất đai năm 2013. Các đương sự cũng không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Như vậy, việc thu hồi đất và ban hành các quyết định hành chính nêu trên đều đúng thẩm quyền, trình tự luật định.

[3.2]. Dự án Bắc Sông Cấm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1131/QĐ-Ttg ngày 24/6/2016; UBND thành phố Hải P phê duyệt tại Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 15/9/2006. Ngày 16/3/2018, UBND thành phố Hải P ban hành Quyết định số 560/QĐ-UBND phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Bắc Sông Cấm; thay thế Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 đã được phê duyệt trước đó. Căn cứ bản đồ quy hoạch và mảnh trích đo địa chính được phê duyệt ngày 11/4/2017 và các tài liệu có liên quan, toàn bộ diện tích đất ông Nguyễn Xuân H đang sử dụng thuộc các thửa số 489+501+502, tờ bản đồ số 2, diện tích 176,5$m^2$ (theo Mảnh trích đo địa chính), trên đất có nhà xây dựng năm 1988, không có giấy tờ giao đất thuộc phạm vi thu hồi đất của dự án. Thực hiện Dự án, UBND huyện Thủy N đã ban hành các quyết định, thông báo thu hồi diện tích đất gia đình ông H đang sử dụng, xác định 79,2$m^2$ đất HLGT tỉnh lộ 359B và 97,3$m^2$ đất + 18,1$m^2$ (phê duyệt bổ sung) đủ điều kiện công nhận là đất ở, nhưng phải trừ đi nghĩa vụ tài

chính theo quy định tại khoản 2 Điều 6 và khoản 2 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, đơn giá đất áp dụng là 8.800.000 đồng/$m^2$ (tăng 10% do vị trí đất có 2 mặt đường), được hỗ trợ di chuyển chỗ ở, được giao 01 lô đất tái định cư 135$m^2$ (cho ông Nguyễn Xuân H và bà Đinh Thị Cam) và 01 lô đất tái định cư 60$m^2$ (cho anh Nguyễn Xuân T4 và chị Đặng Ngọc Hồng C).

[3.3]. Theo hồ sơ xác định hiện trạng đất đai thể hiện ông H đang sử dụng 176,5$m^2$ đất, tại thửa 489+ 501+502, tờ bản đồ số 2, xã Tân D từ năm 1987, trong sổ mục kê và bản đồ giải thửa 299 xã Tân D thì phần đất trên thuộc thửa đất 689 (thổ cư) đứng tên Bùi Thị Thành, đã được chỉnh lý biến động "làm đường" và thửa đất 690 (đất mương) không ghi chủ sử dụng; nếu tính cả 55$m^2$ mà ông H khai cho xã Tân D mượn mở đường liên thôn xuống xã Dương Q thì cũng không đến 354,2$m^2$; ông H ký xác nhận biên bản kiểm kê đất đai, hoa màu, tài sản, vật kiến trúc trên 176,5$m^2$ đất do UBND huyện Thủy N lập ngày 20/6/2017 và không có ý kiến gì; ông H khai diện tích đất trên là hố bom gia đình ông được xã Tân D tạm giao cho sử dụng nhưng không có văn bản, giấy tờ. Ông H cũng không cung cấp được tài liệu nào khác để chứng minh đang sử dụng diện tích là 354,2$m^2$ đất; ngoài ra ông H cho rằng đất có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị C tạo lập, diện tích là 354,2$m^2$ là không có căn cứ. Việc ông H cung cấp giấy tay xác nhận đã chia cho 2 người con, mỗi người 100$m^2$ đất là không có cơ sở, vì: Ông H đang sử dụng diện tích đất là 354,2$m^2$, nên không thể có đủ diện tích trên tặng cho 2 con; hợp đồng tặng cho không được công chứng, chức thực theo đúng quy định của pháp luật, nội dung hợp đồng tặng cho cả phần đất HLGT là trái pháp luật.

[3.4]. Người khởi kiện cho rằng, toàn bộ diện tích đất sử dụng có trước năm 1987, không vi phạm HLGT; chính quyền địa phương không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là đã cắm mốc HLGT, theo Nghị định số 203-NĐ/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Do đó, khi thu hồi đất có nhà trên đất từ trước năm 1993 cũng phải được bồi thường như đất ở. Xét Nghị định số 203- NĐ/HĐBT quy định về chỉ giới HLGT đã có hiệu lực pháp luật gần 40 năm qua, các quy định có liên quan đến HLGT đã được chính quyền địa phương thực hiện và người dân chấp hành thông qua việc sử dụng đất, cấp, nhận Giấy CNQSDĐ cho nhiều hộ dân trong cùng khu dân cư. Việc UBND huyện Thủy N căn cứ Nghị định số 203-NĐ/HĐBT để xác định HLGT khi thu hồi đất như trên là phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 76 và Điều 82 Luật Đất đai 2013 thì khi thu hồi phần đất thuộc HLGT đất thì người đang sử dụng đất không bồi thường về đất.

[3.5]. Xét UBND huyện Thủy N áp dụng đơn giá bồi thường về đất theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND thành phố Hải P; vị trí 1 tỉnh lộ 359 là 8.000.000 đồng/$m^2$. Mặc dù tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường thì Bảng giá đất mới giai đoạn 2020-2024 đã có hiệu lực thi hành theo Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hải P. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai; giá đất được áp dụng để tính tiền bồi

thường về đất khi thu hồi đất. Do giá đất mới được phê duyệt tại Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND thành phố Hải P áp dụng cho vị trí đất nhà ông H không thay đổi (vẫn giữ nguyên 8.000.000 đồng/$m^2$). Như vậy, UBND huyện Thủy N áp dụng đơn giá đất như trên là phù hợp với qui định tại khoản 3, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, việc người khởi kiện yêu cầu tăng giá đất bồi thường về đất từ 40 triệu đồng đến 60 triệu đồng/$m^2$ là không có cơ sở.

[3.6]. Đối với diện tích đất, số lượng và đơn giá bồi thường về các công trình vật kiến trúc: Đối chiếu với phương án bồi thường đã được UBND huyện Thủy N phê duyệt thì số liệu kiểm kê về diện tích đất; vật kiến trúc trên đất đúng với biên bản kiểm kê có chữ ký xác nhận của người bị thu hồi đất. Người khởi kiện cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho quan điểm của mình. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của người khởi kiện.

[3.7]. Người khởi kiện yêu cầu giao thêm 01 lô đất tái định cư (hộ phụ) cho chị Nguyễn Thị D1, cho rằng vợ chồng chị Dung vẫn thường xuyên ăn ở và có nhà trên đất thu hồi. Căn cứ khoản1 Điều 79 và Điều 86 Luật Đất đai 2013; khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì UBND huyện Thủy N xác định tại thời điểm thu hồi đất thì chỉ có ông H, bà Cam là chủ sử dụng đất và gia đình anh Tuấn (3 khẩu) đang ăn ở trên đất; gia đình chị Dung không ăn ở trên đất và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có quyền sử dụng đất hợp pháp nên không xét giao đất tái định cư. Mặt khác, gia đình ông H đang sử dụng tích 176,5$m^2$ (có 79,2$m^2$ đất HLGT), nhưng được giao 01 lô đất tái định cư 135$m^2$ (hộ chính) và 01 lô đất tái định cư 60$m^2$ (hộ phụ) là đã bảo đảm quyền lợi.

[4]. Xét kháng cáo của ông H: Tại cấp phúc thẩm không cung cấp thêm chứng cứ mới, đồng thời với nhận định và quyết định bác đơn khởi kiện nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H và quan điểm của Luật sư là không có cơ sở, không được chấp nhận, cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân H phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ Điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

## QUYẾT ĐỊNH

[1]. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H.

[2]. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 85/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải P.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 0000661 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải P.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND T.p Hải P;
- Cục THADS T.p Hải P;
- Các Đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Đình Lực**